

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân
phường Bình Phước khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH PHƯỚC
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Hướng dẫn số 1309/HD-UBTVQH15 ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về tổ chức và hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026 sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 207/NQ-TTHĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân phường Bình Phước;

Xét Tờ trình số 07/TTr-TTHĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân phường khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Bình Phước khóa I, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể phường;
- LDVP; CV: HĐND, TTH;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Giang Thị Phương Hạnh

QUY CHẾ LÀM VIỆC
Của Hội đồng nhân dân phường Bình Phước
khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 06 /NQ-HĐND
ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bình Phước)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, hình thức làm việc, quy trình giải quyết công việc và quan hệ công tác của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

2. Đối tượng áp dụng

Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân và các tổ chức, các nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân.

2. Làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số, đại biểu Hội đồng nhân dân bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân phường chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân; ban hành văn bản và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân phường để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Chương II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân phường

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

2. Quyết định biện pháp để thực hiện quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển đô thị, quy hoạch chung của tỉnh;

3. Quyết định các biện pháp khuyến khích phát triển kinh tế đô thị, thương mại, dịch vụ, tài chính, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo phù hợp với đặc điểm của đô thị theo quy định của pháp luật;

4. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên tổ dân phố; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân phường

1. Thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân phường giao.

2. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân; phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

3. Đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân và các cơ quan liên quan thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

4. Giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

5. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân; xem xét kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân.

6. Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, giám sát và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, đề xuất, kiến nghị của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

7. Quyết định số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân phường. Phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng Ban, Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân phường trong số đại biểu Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân.

8. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức theo nguyện vọng đối với người được Hội đồng nhân dân bầu nếu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể tiếp tục thực hiện được nhiệm vụ, cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân phường do chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

9. Thành lập Tổ đại biểu, xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của Tổ đại biểu, phân công Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; quyết định việc chuyển sinh hoạt tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân của đại biểu Hội đồng nhân dân.

10. Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

11. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân phường đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh;

12. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường; mỗi năm 02 lần thông báo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường về hoạt động của Hội đồng nhân dân.

13. Ban hành nghị quyết và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

14. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, Thường trực Hội đồng nhân dân được quyết định các nội dung sau đây và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất:

a) Biện pháp giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;

b) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng nhân dân, bảo đảm thi hành các quy định về hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, các quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân.

b) Lãnh đạo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân; chỉ đạo việc chuẩn bị dự kiến chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân.

c) Thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác và Nhân dân.

d) Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân phường trong các trường hợp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân;

chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn các Ban của Hội đồng nhân dân phường

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân liên quan đến lĩnh vực phụ trách.
2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án... liên quan đến lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công.
3. Giúp Hội đồng nhân dân giám sát hoạt động được giao. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân.
4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công.
5. Chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân; trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường hoặc về các vấn đề do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công.
2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp Hội đồng nhân dân; tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp Hội đồng nhân dân và để đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp sau kỳ họp Hội đồng nhân dân.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân phường

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.
2. Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân; trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng thì Thường trực Hội đồng nhân dân phải báo cáo Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.
3. Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức hữu

quan; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện tiếp công dân; tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền đề xuất sáng kiến xây dựng chính sách ở địa phương; quyền kiến nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu, tổ chức phiên họp chuyên đề, phiên họp kín hoặc phiên họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách những người ứng cử.

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân phường, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực.

8. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

9. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

10. Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân nếu không có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân hoặc của Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

Chương III HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG

Điều 9. Kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Hội đồng nhân dân họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ. Hội đồng nhân dân quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Hội đồng nhân dân họp kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

3. Cử tri có quyền làm đơn yêu cầu Hội đồng nhân dân họp, bàn và quyết định những công việc của phường. Khi trong đơn yêu cầu có chữ ký của trên 10% tổng số cử tri của phường thì Thường trực Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất để bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị. Đơn yêu cầu của cử tri được xem là hợp lệ khi có kèm theo đầy đủ chữ ký, họ tên, ngày, tháng, năm sinh và địa chỉ của từng người ký tên. Những người ký tên trong đơn yêu cầu được cử một người làm đại diện tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân bàn về nội dung mà cử tri kiến nghị.

4. Hội đồng nhân dân họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng nhân dân quyết định họp kín.

5. Thư ký phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường:

a) Giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thư ký phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường.

b) Thư ký phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường có nhiệm vụ: Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân phường có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp; ghi biên bản phiên họp, kỳ họp; tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp Tổ đại biểu và phiên họp toàn thể; tham mưu Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện các quy trình, thủ tục tại kỳ họp; giúp Chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp; thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 10. Phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân phường

Thường trực Hội đồng nhân dân họp thường kỳ mỗi tháng một lần. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tham dự.

Điều 11. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân phường

1. Thẩm quyền giám sát của Hội đồng nhân dân phường thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Hội đồng nhân dân phường thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại điều 57 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Hội đồng nhân dân phường quyết định chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân theo trình tự sau đây: Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và cử tri phường gửi kiến nghị, đề nghị giám sát của Hội đồng nhân dân đến Thường trực Hội đồng nhân dân, trong đó nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường tổng hợp kiến nghị, đề nghị giám sát và báo cáo Thường



trực Hội đồng nhân dân phường. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của Hội đồng nhân dân phường, Thường trực Hội đồng nhân dân phường thảo luận và lập dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân phường để trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước. Trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân phường trình Hội đồng nhân dân phường điều chỉnh chương trình giám sát.

4. Hội đồng nhân dân phường xem xét các báo cáo.

a) Tại kỳ họp giữa năm và cuối năm, Hội đồng nhân dân phường xem xét các báo cáo theo quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

b) Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân phường xem xét các báo cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

5. Hội đồng nhân dân phường tiến hành chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân phường theo quy định tại Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Thời gian nêu chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân phường do Chủ tọa phiên họp báo cáo Hội đồng nhân dân phường quyết định; thời gian trả lời chất vấn về từng vấn đề không quá 15 phút, trong trường hợp đặc biệt do Chủ tọa phiên họp quyết định. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân phường, người trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện các nội dung đã chất vấn, các vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực Hội đồng nhân dân phường để chuyển đến các đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

6. Hội đồng nhân dân phường xem xét văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân ban hành có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường. Trình tự xem xét văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Điều 61 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

7. Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân phường căn cứ chương trình giám sát Hội đồng nhân dân phường ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân phường. Trình tự, thủ tục giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân phường thực hiện theo quy định tại Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Kết thúc đợt giám sát, Hội đồng nhân dân phường xem xét báo cáo của Đoàn giám sát và ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nghị quyết giám sát được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

8. Hội đồng nhân dân phường lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân phường bầu theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân phường

1. Thẩm quyền giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân phường thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 66 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân phường quyết định chương trình giám sát hàng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định tại Điều 67 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân phường xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân phường có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 68 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

5. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân phường trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân phường được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Thời gian nêu chất vấn và trả lời chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân phường trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân phường do Chủ tọa phiên họp quyết định.

6. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân

a) Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân yêu cầu thành viên Ủy ban nhân dân phường giải trình và yêu cầu cá nhân có liên quan tham gia giải trình vấn đề mà Thường trực Hội đồng nhân dân phường quan tâm.

b) Trình tự phiên giải trình thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

c) Kết thúc phiên giải trình, Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua kết luận về vấn đề được giải trình. Cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

7. Giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân

a) Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân phường quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề.

b) Việc thành lập, nhiệm vụ, quyền hạn của đoàn giám sát, việc báo cáo, xem xét báo cáo của đoàn giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân phường thực hiện theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Sau khi xem xét báo cáo của Đoàn giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân phường kết luận về nội dung giám sát. Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân phường được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân phường đề nghị Hội đồng nhân dân phường xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất. Thường trực Hội đồng nhân dân phường có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và báo cáo Hội đồng nhân dân phường về hoạt động giám sát của mình.

8. Thường trực Hội đồng nhân dân phường giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định tại Điều 73 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

9. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri theo quy định tại điều 74 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Điều 13. Hoạt động giám sát, thẩm tra của các Ban của Hội đồng nhân dân phường

1. Thẩm quyền giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân phường thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Ban của Hội đồng nhân dân phường thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 76 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Ban của Hội đồng nhân dân phường lập chương trình giám sát của Ban theo quy định tại Điều 77 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

4. Ban của Hội đồng nhân dân phường thực hiện thẩm tra dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Điều 78 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

5. Ban của Hội đồng nhân dân phường thực hiện giám sát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 68 và Điều 79 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

6. Ban của Hội đồng nhân dân phường thực hiện giám sát chuyên đề theo quy định tại Điều 80 và Điều 81 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

7. Ban của Hội đồng nhân dân phường giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định tại điều 82 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Điều 14. Hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân phường nghiên cứu tài liệu, thảo luận về các nội dung liên quan; tổ chức cho các đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân phường.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường có thẩm quyền giám sát theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 83, 84, 85, 86, 87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường thực hiện quyền giám sát và tham gia thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân phường.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường phải liên hệ chặt chẽ với cử tri và nhân dân, có trách nhiệm lắng nghe và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân, thực hiện trách nhiệm tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, tiếp nhận và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo Điều 87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 15. Với các cơ quan tỉnh

Hội đồng nhân dân phường định kỳ báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân lên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh. Tham dự các hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan của tỉnh khi được mời.

Điều 16. Với Đảng ủy phường

1. Hội đồng nhân dân phường chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân phường; báo cáo Đảng ủy về kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân phường, kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân phường bầu và báo cáo về những hoạt động quan trọng của Hội đồng nhân dân phường.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy; Thường trực Hội đồng nhân dân phường trình Ban Thường vụ Đảng ủy cho ý kiến về những định hướng, chủ trương quan trọng trong chương trình hoạt động, chương trình và nội dung các kỳ họp và những quyết định của Hội đồng nhân dân phường về kinh tế, ngân sách, quốc phòng, an ninh, những vấn đề liên quan đến đời sống nhân dân ở địa phương; những vấn đề sắp xếp tổ chức bộ máy lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân phường. Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm, Thường trực Hội đồng nhân dân phường báo cáo kết quả hoạt động cho Ban Thường vụ Đảng ủy.

3. Thông qua hoạt động của mình, Hội đồng nhân dân phường kiến nghị với Đảng ủy về những nội dung quan trọng cần lãnh đạo, chỉ đạo để bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết của Đảng ủy về phát triển kinh tế - xã hội và các nội dung liên quan đến công tác cán bộ.

Điều 17. Với Ủy ban nhân dân phường

1. Ủy ban nhân dân phường báo cáo Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phường về các nội dung thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường; gửi văn bản quy phạm pháp luật và các Quyết định do Ủy ban nhân dân phường ban hành đến Thường trực Hội đồng nhân dân phường, Ban của Hội đồng nhân dân phường theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký văn bản; cung cấp thông tin cho Thường trực Hội đồng nhân dân phường, Ban của Hội đồng nhân dân phường theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân có trách nhiệm phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân phường trong việc chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân phường; chỉ đạo các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân phường chuẩn bị các nội dung được dự kiến trong chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân phường; thực hiện các thủ tục và chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ trình Thường trực Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân phường.

3. Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các bước, các quy trình, thủ tục và thời gian xây dựng đề án, dự thảo Nghị quyết để trình Hội đồng nhân dân phường theo đúng quy định của pháp luật. Cơ quan chủ trì soạn thảo đề án, dự thảo Nghị quyết phối hợp chặt chẽ với Ban của Hội đồng nhân dân phường phụ trách lĩnh vực tương ứng trong quá trình xây dựng đề án, dự thảo Nghị quyết; mời Ban của Hội đồng nhân dân phường tham gia các cuộc họp liên quan đến việc xây dựng đề án, dự thảo Nghị quyết.

4. Tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kế hoạch, nội dung, yêu cầu giám sát; báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời; đáp ứng các yêu cầu phục vụ hoạt động giám sát và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường; nghiêm chỉnh chấp hành Nghị quyết giám sát của Hội đồng nhân dân, kết luận, kiến nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ tiếp theo của Hội đồng nhân dân phường. Cá nhân, người đứng đầu cơ quan, chịu sự giám sát có trách nhiệm trực tiếp báo cáo, trình bày những vấn đề mà chủ thể giám sát yêu cầu; trường hợp không thể trực tiếp báo cáo, trình bày được thì ủy quyền cho cấp phó của mình.

5. Tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giám sát của Hội đồng nhân dân cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân phường theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu cho Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường khi được yêu cầu, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước mà pháp luật quy định không được phép cung cấp.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được ý kiến, kiến nghị của cử tri có trách nhiệm trả lời đầy đủ tại kỳ họp thường lệ gần nhất của Hội đồng nhân dân phường kể từ khi nhận được ý kiến, kiến nghị của cử tri và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ tiếp theo của Hội đồng nhân dân phường.

Điều 18. Với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội của phường

1. Phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội động viên Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.



2. Mời Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tham dự kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân; tham gia giám sát, khảo sát; lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những nội dung quan trọng.

3. Phối hợp, tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện tiếp xúc cử tri và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri theo quy định.

4. Phối hợp theo dõi hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, giúp đại biểu Hội đồng nhân dân làm nhiệm vụ đại biểu.

Chương V

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG

Điều 19. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân phường

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân phường được bố trí từ ngân sách phường.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân phường chỉ đạo việc sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân theo đúng quy định của pháp luật.

3. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường đảm bảo các điều kiện và các chế độ theo quy định của pháp luật đối với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân phường.

Điều 20. Chế độ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân phường

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân phường được hưởng các chế độ, chính sách do pháp luật quy định và theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký, được áp dụng trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân phường Bình Phước khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Hội đồng nhân dân phường, Thường trực Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường, đại biểu Hội đồng nhân dân phường và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề mới cần phải điều chỉnh cho phù hợp, Thường trực Hội đồng nhân dân phường sẽ trình Hội đồng nhân dân phường xem xét, quyết định./

